TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỚN QUẢN
TỈNH BÌNH PHƯỚC
Bản án số: 09/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 29-01-2019
Về việc: "Ly hôn"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỚN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa : Ông Nguyễn Mạnh Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Kim Tuyến

Ông Trịnh Văn Đoan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng – Thư ký tòa án Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Ông Lê Quang Vân- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 56/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2018 về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 16/01/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị N, sinh năm 1986.

Trú tại: Tổ 6, ấp 3, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: Anh Nguyễn Vũ H, sinh năm 1981.

Trú tại: Tổ 10, ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

(Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình làm việc, nguyên đơn chị Phạm Thị N trình bày*:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Vũ H sau thời gian tìm hiểu đã quyết định chung sống với nhau từ năm 2010 có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 07 năm, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân chủ yếu là do anh H không có trách nhiệm với gia đình, hai vợ chồng không thống nhất được với nhau về công việc. Mặc dù đã tự hòa giải nhiều lần nhưng vẫn không có kết quả. Tình cảm vợ chồng không còn, chị N và anh H đã sống ly thân được một thời gian, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Nguyễn Vũ H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Vũ Phương T, sinh năm 2009 và Nguyễn Vũ Xuân T, sinh năm 2013. Khi ly hôn chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Chứng cứ chị N cung cấp cho Tòa án là 01 Hộ khẩu, 01 giấy CMND của nguyên đơn(bản sao); 01 Bản sao giấy chứng nhận kết hôn, 02 bản sao giấy khai sinh của con chung; 01 vận đơn.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/01/2019, anh Nguyễn Vũ H trình bày*:

Anh H có biết việc chị N yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn. Anh H và chị N chung sống với nhau từ năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T. Vợ chồng sống có mâu thuẫn mà nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã tự hòa giải nhưng không thành. Trước yêu cầu ly hôn của chị N thì anh H cũng đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Vũ Phương T, sinh năm 2009 và Nguyễn Vũ Xuân T, sinh năm 2013 hiện cả hai con đang do chị Phạm Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn anh H đồng ý giao 02 con cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng và anh H không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra anh H yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa phát biểu:*

Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H không có ý kiến gì thêm.

Về nội dung vụ án: Căn cứ ý kiến của các bên và mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho chị N được ly hôn với anh H. Về con chung giao cho chị Phạm Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung Nguyễn Vũ Phương T, sinh năm 2009 và Nguyễn Vũ Xuân T, sinh năm 2013. Anh Nguyễn Vũ H không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, về nợ chung đương sự trình bày không yêu cầu tòa án giải quyết và không có nợ chung nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và yêu cầu của nguyên đơn thì đây là vụ án ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước. Các đương sự đều xin Tòa án xét xử vắng mặt, do đó căn cứ các Điều 228,

238 Tòa án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án để xét xử vắng mặt đương sự là đúng quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Vũ H là hôn nhân hợp pháp, các đương sự có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước (bl 06). Chị N cho rằng vợ chồng chung sống có nhiều mâu thuẫn xảy ra, không thể tiếp tục sống chung nên chị N và anh H đã sống ly thân được một thời gian. Nhận thấy vợ chồng không thể chung sống nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh H. Căn cứ biên bản lấy lời khai của anh Nguyễn Vũ H thì anh H xác nhận giữa vợ chồng có mâu thuẫn với nhau và trước yêu cầu ly hôn của chị N thì anh H cũng đồng ý ly hôn. Như vậy, việc chị N đã xác định tình cảm vợ chồng không còn, không muốn tiếp tục chung sống là thống nhất với ý kiến của anh H.. Hội đồng xét xử xét thấy mục đích hôn nhân giữa các đương sự không đạt được, cuộc sống chung không thể tiếp tục nên cần chấp nhận ý kiến của chị Phạm Thị N về việc chấm dứt quan hệ vợ chồng với anh Nguyễn Vũ H.

Về con chung: Đối với hai con chung Nguyễn Vũ Phương T, sinh năm 2009 và Nguyễn Vũ Xuân T, sinh năm 2013. Chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, anh H cũng đồng ý giao con cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Lời khai của cháu Thảo cũng phù hợp với ý kiến của nguyên đơn và bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị N, giao 02 con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Do chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét về vấn đề cấp dưỡng.

Về tài sản chung: đương sự trình bày không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Đương sự trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Phạm Thị N chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14.

[4] Nhận định của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước về nội dung vụ án, việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, các đương sự, Hội đồng xét xử là phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 01 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Vũ H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 19 ngày 20/3/2010 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước hết giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung Nguyễn Vũ Phương T, sinh năm 2009 và Nguyễn Vũ Xuân T, sinh năm 2013. Anh Nguyễn Vũ H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng, xin thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu có căn cứ cho rằng bên kia không đáp ứng được quyền lợi của con.

3. Về tài sản chung: Đương sự tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí: Chị Phạm Thị N chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005094 ngày 20/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

6. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc được tống đạt hợp lệ theo quy định để được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND T. Bình Phước;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- CQ đăng ký KH;
- Lưu VP + án;
- Các đương sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa

(Đã ký)

Nguyễn Mạnh Hồng